

Bản án số: 122/2021/DS-PT.

Ngày: 22/11/2021

*“V/v: Tranh chấp giao dịch dân sự  
về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***Thành phần hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang

*Các thẩm phán:* Ông Đặng Văn Quyết, bà Phạm Thị Minh Hiền

*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh

B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B:*** Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử Pc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLPT- DS ngày 04/10/2021 về việc: “Tranh chấp giao dịch dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Pc thẩm số 108/2021/QĐ-PT ngày 05/11/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Q Mùi

Địa chỉ: Số 135, đường Thành Công, phường Cao Xanh, thành phố HL, tỉnh QN

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy Thừa - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Thanh, sinh năm: 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 15, Nguyễn Thái Học, tổ 8, Khu 5, phường Yết Kiêu, thành phố HL, tỉnh QN (Theo giấy ủy quyền số 576/UQ-QM ngày 06/11/2020)

2. Bị đơn: Công ty TNHH xã hội P Q

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B

Đăng ký kinh doanh và mã số doanh nghiệp: 2400494011 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh B cấp ngày 05/01/2010

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Thái - Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Khổng Thị Thúy - sinh năm: 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 5, Khu Lò Vôi, thôn Đồng Quan, xã Đồng Sơn, thành phố B, tỉnh B  
Theo văn bản ủy quyền ngày 07/01/2021 và ngày 02/8/2021.

\* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Dương Ngọc Thực -  
Trưởng văn phòng luật sư Dương Ngọc Thực - Đoàn luật sư tỉnh B

Địa chỉ: Số 6, ngõ 3, đường Hùng Vương 1, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B.  
(Luật sư có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm nhân đạo P Q

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Bà Khổng Thị Thúy- sinh năm: 1959 (Có mặt)

\* Người kháng cáo: Nguyên đơn là Công ty TNHH xã hội P Q do bà Khổng Thị  
Thúy đại diện theo ủy quyền.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Nguyên đơn là Công ty cổ phần Q Mùi do ông Nguyễn Huy Thừa là đại diện  
theo pháp luật và ông Phạm Văn Thanh là đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Công ty cổ phần Q Mùi đã ký hợp đồng xây dựng công trình số 18/2012/HĐ-CTCP-QM ngày 01/06/2012 với Công ty TNHH xã hội P Q về việc thi công các hạng mục xây dựng thuộc dự án: Trung tâm nhân đạo P Q B và các phụ lục của hợp đồng số 18/2012/HĐ-CTCP-QM, trong đó có phụ lục hợp đồng số 05 ngày 01/6/2016 hạng mục: Tường rào bảo vệ trung tâm. Quá trình thực hiện hợp đồng do bên A (Công ty TNHH xã hội P Q) không bố trí được nguồn vốn để thực hiện dự án theo cam kết, hai bên đã có thỏa thuận việc dừng thực hiện hợp đồng số 18/2012/HĐ-CTCP-QM. Ngày 06/12/2016, công ty TNHH xã hội P Q và Công ty cổ phần Q Mùi cùng đối chiếu, kiểm tra và có biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2016 trong đó có nội dung “Đến hết ngày 30/10/2016, bên A (Công ty TNHH xã hội P Q) còn nợ bên B (Công ty cổ phần Q Mùi) số tiền 1.002.468.997 đồng (một tỷ không trăm linh hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng)”.

Sau khi chốt và xác nhận công nợ, công ty cổ phần Q Mùi đã rất nhiều lần đề nghị thanh toán, yêu cầu trả tiền nhưng công ty TNHH xã hội P Q không trả nợ. Tại buổi làm việc ngày 21/11/2019 đại diện công ty TNHH xã hội P Q là bà Khổng Thị Thúy đã cam kết thanh toán số tiền nợ trên cho công ty cổ phần Q Mùi chậm nhất là tháng 3 năm 2020. Tuy nhiên, sau đó công ty TNHH xã hội P Q vẫn không trả nợ. Nay công ty cổ phần Q Mùi khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc công ty TNHH xã hội P Q phải trả cho công ty cổ phần Q Mùi toàn bộ số tiền còn nợ và khoản tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, gồm: Tiền nợ gốc 1.002.468.997 đồng; Tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính

từ ngày 07/12/2016 đến ngày 07/11/2020 với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại điều 357, 468 Bộ luật dân sự là 392.633.690 đồng. Tổng cộng là 1.395.102.687 đồng (Một tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu một trăm linh hai nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng). Yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất trên cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình ký kết hợp đồng thì chủ đầu tư là Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ P Q, tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, ký kết phụ lục hợp đồng, nghiệm thu xác nhận khối lượng hoàn thành, xác nhận công nợ vào ngày 06/12/2016 thì chủ đầu tư đã đổi tên thành Công ty TNHH xã hội P Q, do đó nguyên đơn xác định bị đơn là Công ty TNHH xã hội P Q và yêu cầu công ty TNHH xã hội P Q phải chịu trách nhiệm trả nợ.

***Bị đơn là Công ty TNHH xã hội P Q do bà Khổng Thị Thúy đại diện theo ủy quyền trình bày:*** Bà xác nhận công ty TNHH xã hội P Q trước đây là Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ P Q. Công ty có dự án đầu tư xây dựng trung tâm nhân đạo P Q B từ năm 2012. Trước khi công ty cổ phần Q Mùi tham gia dự án, thì công ty bà đã hoàn thành một số hạng mục thi công công trình. Khoảng cuối năm 2015, công ty Q Mùi đã xin được tham gia xây dựng các hạng mục công trình của công ty P Q, khi đó ông Thừa - giám đốc đề nghị được ký tổng thầu toàn bộ công trình với giá trị dự án 295.000.000.000 (hai trăm chín mươi lăm tỷ) đồng. Do đây là công trình xã hội hóa nên có nhiều đơn vị tham gia thi công, xây dựng, mỗi đơn vị giúp đỡ xây dựng một số hạng mục nhỏ, tại thời điểm này, có đơn vị đã xây dựng xong hạng mục của mình và đã được thanh toán, một số đơn vị đang thi công dở dang chưa được thanh toán. Sau khi thỏa thuận, hai bên đã ký hợp đồng xây dựng số 18/2012/HĐCT-CP-QM ngày 01/6/2012. Trên thực tế, hợp đồng ký cuối năm 2015 nhưng để ký tổng thầu thì hai bên thống nhất ghi thời gian trong hợp đồng là năm 2012 để phù hợp với thực tế xây dựng dự án. Theo thỏa thuận, do công ty TNHH xã hội P Q chưa có vốn nên công ty cổ phần Q Mùi phải tự ứng vốn để xây dựng các hạng mục thi công giai đoạn 1 gồm sàn nền, hạ tầng kỹ thuật sân, cổng, tường bao, nhà N4, N5, N6 thuộc dự án, khi công ty Q Mùi xây dựng đạt khối lượng ước tính trị giá từ 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng thì hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng giá trị hoàn thành, đối chiếu, xác nhận công nợ từng giai đoạn để công ty cổ phần Q Mùi tiếp tục triển khai thi công và thanh quyết toán công trình về sau. Theo điều 5 của hợp đồng thì công ty cổ phần Q Mùi phải tự thanh toán toàn bộ các khối lượng đã làm của giai đoạn 1. Sau khi ký hợp đồng, công ty cổ phần Q Mùi đã thực hiện một số hạng mục như san nền 200m<sup>3</sup>, xây tường rào được một phần sau đó thì tự ý dừng lại không thi công và không thông báo cho chủ đầu tư biết. Sau đó nhiều lần công ty TNHH xã hội P Q yêu cầu bên thi công thực hiện nốt

các hạng mục đang thi công, hoặc không làm tiếp thì chốt khối lượng để bàn giao cho đơn vị khác thi công. Ngày 28/9/2016 giữa Công ty cổ phần Q Mùi và công ty TNHH xã hội P Q đã cùng chốt khối lượng theo thực tế đã làm. Tại biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 28/9/2016 đã thể hiện các phần khối lượng công ty cổ phần Q Mùi đã làm và đến thời điểm này thì công ty cổ phần Q Mùi đã xác định rõ không thi công tiếp và hai bên chấm dứt công việc. Tuy nhiên, do công ty cổ phần Q Mùi bỏ dở thi công nên công ty P Q chưa thanh lý hợp đồng. Ngày 06/12/2016 công ty TNHH xã hội P Q đã ký xác nhận các khoản tiền nợ gồm: giá trị khối lượng hoàn thành hạng mục xây tường rào là 52.468.997 đồng; hạng mục san nền là 150.000.000 đồng, tiền vay là 290.000.000 đồng, tổng cộng bằng 1.002.468.997 đồng. Ngày 21/11/2019 bà có viết vào cuối biên bản xác nhận công nợ với nội dung cam kết trả các khoản nợ trên, trong Q 1 năm 2020 thanh toán hết. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH xã hội P Q phải thanh toán trả số tiền 1.002.468.997 đồng thì công ty TNHH xã hội P Q chấp nhận trả khi thu xếp được nguồn vốn. Đối với khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu tính bằng 10% tính trên số tiền nợ từ ngày 07/12/2016 đến ngày xét xử thì không chấp nhận vì công ty cổ phần Q Mùi là người có lỗi, đã không thực hiện đúng hợp đồng, gây tổn thất cho P Q.

Đối với tài liệu, chứng cứ ghi công ty TNHH P Q vay tiền của công ty Q Mùi trong văn bản ghi ngày 30/3/2016 có đóng dấu Trung tâm nhân đạo P Q là đóng nhầm, bà Thúy xác định đây là khoản nợ của công ty TNHH xã hội P Q với công ty cổ phần Q Mùi, không phải là khoản nợ của Trung tâm nhân đạo P Q.

Tại đơn phản tố ghi ngày 02/3/2021 bị đơn công ty TNHH xã hội P Q trình bày: Căn cứ hợp đồng số 18/2012/HĐ-CTCP-QM ngày 01/6/2012 đã ký giữa công ty TNHH xã hội P Q và công ty cổ phần Q Mùi thì thực tế công ty cổ phần Q Mùi đã vi phạm cam kết tại điểm 5.1, điều 5 và điểm 9.1 điều 16, điều 17 do vi phạm các lỗi: Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký 01/6/2012 nhưng đến tháng 6/2016 công ty mới thực hiện hợp đồng; Công ty cam kết ứng vốn trước để thi công các hạng mục thuộc giai đoạn 1 của hợp đồng nhưng bỏ dở công trình, khiến chủ đầu tư phải thuê đơn vị khác thi công, gây thiệt hại lớn cho chủ đầu tư; Công ty ký tổng thầu toàn bộ công trình nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho các nhà thầu đã thi công để chủ đầu tư bị đơn vị khác kiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư; Công ty thi công công trình không đạt chất lượng đất san lấp theo tiêu chuẩn 16.1 điều 16 của hợp đồng và phụ lục hợp đồng số 01; Công ty không làm đầy đủ quy trình hồ sơ nghiệm thu theo quy định của luật xây dựng năm 2014 và điều 10.2, điều 19 của hợp đồng số 18. Do công ty cổ phần Q Mùi không thực hiện đúng hoặc thực hiện bỏ dở, vi phạm hợp đồng dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho công ty TNHH xã hội P Q, cụ thể: công ty P Q phải thuê đơn vị khác khắc phục hậu

quả gồm: Chi phí dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ: 976.120.000 đồng; hỗ trợ thi công: 50.000.000 đồng; Dọn dẹp công trình: 1.850.000 đồng; Thuê đơn vị thi công tiếp để khắc phục hậu quả: 4.376.203.000 đồng. Do vậy, công ty TNHH xã hội P Q yêu cầu công ty cổ phần Q Mùi phải chịu trách nhiệm bị phạt và bồi thường thiệt hại, cụ thể: Phạt vi phạm về chất lượng công trình mức 5% hạng mục san lấp mặt bằng nền bằng 7.500.000 đồng; Phạt tự ý bỏ công trình, không báo trước cho chủ đầu tư bằng 8% giá trị công trình - biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2016 là 68.197.500 đồng; Yêu cầu bồi thường chi phí thuê đơn vị thi công khắc phục hậu quả là 3.373.745.000 đồng, cộng bằng 3.449.442.500 đồng. Đối trừ với số tiền công ty TNHH xã hội P Q nợ công ty cổ phần Q Mùi 1.002.458.000 đồng, còn lại 2.446.984.500 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) yêu cầu Công ty cổ phần Q Mùi phải trả cho bị đơn. Tòa án đã thông báo nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố, nhưng bị đơn không nộp.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điều 227, 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 274, 275, 278, 280, 351, 353, 357, 429; khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Q Mùi.

Buộc Công ty TNHH xã hội P Q phải trả cho Công ty cổ phần Q Mùi số tiền nợ gốc: 1.002.468.997 (một tỷ, không trăm linh hai triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi bảy) đồng; Tiền lãi: 456.397.302 (Bốn trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm linh hai) đồng. Tổng cộng là: 1.458.866.299 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng).

Án phí: Bị đơn công ty TNHH xã hội P Q phải chịu 55.765.000 (năm mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Công ty cổ phần Q Mùi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.927.000 (hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn) đồng tại biên lai thu số AA/2018/0001736 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 3/8/2021, Tòa án nhân dân thành phố B tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty TNHH xã hội P Q (do bà Khổng Thị Thúy) đại diện đối với

toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp Pc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa Pc thẩm:***

Đại diện của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; đại diện của bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Không Thị Thúy và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày: Công ty TNHH xã hội P Q xác nhận còn nợ Công ty cổ phần Q Mùi số tiền nợ gốc theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2016, cụ thể: hạng mục tường rào là 562.468.997 đồng, hạng mục san nền là 150.000.000 đồng; tiền vay: 290.000.000 đồng. Công ty TNHH xã hội P Q không có ý kiến gì về số tiền gốc này. Tuy nhiên, Công ty TNHH xã hội P Q không đồng ý trả nợ vì các lý do sau: Công ty Q Mùi là người vi phạm hợp đồng, tự ý dừng thi công gây thiệt hại cho Công ty TNHH xã hội P Q. Công ty TNHH xã hội P Q yêu cầu Công ty cổ phần Q Mùi phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền 3.449.442.500 đồng, trừ số tiền gốc còn nợ, buộc Công ty cổ phần Q Mùi phải thanh toán cho Công ty TNHH xã hội P Q số tiền là 2.446.984.500 đồng. Mặt khác, do Công ty cổ phần Q Mùi không cung cấp được hồ sơ hoàn công nên không thể làm thủ tục thanh toán. Nếu chỉ dựa vào duy nhất Biên bản chốt công nợ mà thanh toán số tiền hơn một tỷ đồng thì bà lại là người vi phạm pháp luật. Do vậy, Công ty TNHH xã hội P Q không đồng ý thanh toán cho Công ty cổ phần Q Mùi bất cứ khoản tiền nào. Toàn bộ số nợ đã chốt với Công ty Q Mùi là trách nhiệm của Công ty TNHH xã hội P Q, Trung tâm nhân đạo P Q không liên quan và không có trách nhiệm gì. Công ty TNHH xã hội P Q đã có yêu cầu phản tố ở cấp sơ thẩm, đã được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên không nộp được tạm ứng án phí. Bà đề nghị Tòa án cấp Pc thẩm xem xét vụ án một cách khách quan, toàn diện, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH xã hội P Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Phạm Văn Thanh là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Hai bên đã có biên bản chốt công nợ, thống nhất khối lượng công việc đã hoàn thành và số tiền phải thanh toán. Toàn bộ các căn cứ khởi kiện bên nguyên đơn đã cung cấp và giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm. Ông giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử Pc thẩm không chấp kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

**Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Pc thẩm Toà án nhân dân tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của công ty P Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của công ty P Q thì thấy:

[1.1] Về số tiền nợ gốc:

Giữa Công ty cổ phần Q Mùi và Công ty TNHH xã hội một thành viên thương mại và dịch vụ P Q, sau đổi tên theo giấy phép đăng ký kinh doanh là Công ty TNHH xã hội P Q có ký kết hợp đồng xây dựng số 18/2012/HĐ-CTCP-QM ngày 01/6/2012. Theo đó các bên thỏa thuận Công ty TNHH xã hội P Q là chủ đầu tư và Công ty cổ phần Q Mùi là nhà thầu thực hiện gói thầu thi công toàn bộ các hạng mục thuộc dự án “Trung tâm nhân đạo P Q B”, với giá trị tổng thầu công trình là 290.000.000.000 đồng (hai trăm chín mươi tỷ đồng), thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng 6 năm 2012 đến năm 2017. Hợp đồng xây dựng được ghi ký kết ngày 01/6/2012, nhưng lời khai của đại diện hai công ty đều thừa nhận thực tế đầu năm 2016 mới ký kết hợp đồng này. Ngày 01/6/2016 hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng số 5 về giá hợp đồng hạng mục tường rào bảo vệ. Tháng 6 năm 2016, Công ty cổ phần Q Mùi bắt đầu thực hiện thi công hạng mục công trình theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng số 5. Trong thời gian này, các hoạt động thi công của nhà thầu đều được ghi trong nhật ký thi công, được xác nhận bằng biên bản nghiệm thu công việc xây dựng có chữ ký của đại diện nhà thầu thi công và đại diện chủ đầu tư, ban quản lý, giám sát dự án. Ngày 28/9/2016 giữa hai bên đã lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục tường rào trung tâm. Ngày 06/12/2016 giữa công ty TNHH xã hội P Q và công ty cổ phần Q Mùi đã có biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ với nội dung “Tính đến hết ngày 30/10/2016 bên A (Công ty TNHH xã hội P Q) còn nợ bên B (Công ty cổ phần Q Mùi) số tiền với chi tiết cụ thể như sau: Hạng mục tường rào (Phụ lục hợp đồng số 5): 562.468.997 đồng; Hạng mục san nền 2.100m<sup>3</sup>: 150.000.000 đồng, tiền mặt bên A vay của bên B: 290.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bên A nợ của bên B là 1.002.468.997 đồng (bằng chữ: một tỷ, không trăm lẻ hai triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm chín bảy đồng)”.

Bà Không Thị Thúy với tư cách đại diện Công ty TNHH xã hội P Q thừa nhận giữa chủ đầu tư và nhà thầu đã nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành, xác nhận hai bên mặc dù không thanh lý hợp đồng nhưng đã thống nhất dừng hợp tác thi công, thừa nhận số tiền mà công ty TNHH xã hội P Q còn nợ công ty cổ phần Q Mùi đúng

như biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2016, đến nay chưa thanh toán. Như vậy, có đủ căn cứ xác định công ty TNHH xã hội P Q còn nợ công ty cổ phần Q Mùi số tiền 1.002.468.997 đồng (bằng chữ: một tỷ, không trăm lẻ hai triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm chín bảy đồng) theo quy định tại . Việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày do nguyên đơn không cung cấp hồ sơ hoàn công, hóa đơn cụ thể nên không đồng ý thanh toán là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Về số tiền nợ lãi: Công ty cổ phần Q Mùi yêu cầu công ty TNHH xã hội P Q phải trả tiền lãi của khoản tiền 1.002.468.997 đồng theo mức 10%/năm, tính từ ngày 07/12/2016 đến ngày xét xử, bị đơn không chấp nhận yêu cầu này. HĐXX xét thấy: Trong biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2016, Công ty TNHH xã hội P Q và công ty cổ phần Q Mùi không thỏa thuận lãi phải trả, thời hạn phải trả số tiền trên. Tuy nhiên, theo văn bản số 01.PQ/CV-CT ngày 23/12/2016 của công ty cổ phần Q Mùi gửi công ty TNHH xã hội P Q đã nêu “Đến nay bên A đã để đơn vị khác thi công tiếp các hạng mục công trình, đồng thời cũng đã gần kết thúc năm tài chính 2016, chúng tôi đề nghị công ty TNHH xã hội P Q thanh toán cho chúng tôi khoản tiền nợ theo nội dung làm việc ngày 06/12/2016 nói trên. Kính đề nghị Q công ty thanh toán số tiền đó cho chúng tôi trước ngày 31/12/2016”. Công ty TNHH xã hội P Q đã biết được việc yêu cầu thanh toán này và cam kết trả trong thời gian sớm nhất có thể (Tại văn bản số 16/CT-CV ngày 28/12/2016 của công ty TNHH xã hội P Q gửi công ty cổ phần Q Mùi). Vì vậy, thời điểm xác định phía bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ được tính là từ ngày 01/01/2017. Do các bên không thỏa thuận về lãi nên việc buộc bị đơn phải chịu tiền lãi với lãi suất 10%/1 năm tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả là phù hợp quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Thời gian tính lãi được tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2021 là 04 năm 6 tháng 19 ngày, tiền lãi tính bằng:  $\{1.002.468.997 \text{ đ} \times 10\%/năm \times 4 \text{ năm}\} + \{1.002.468.997 \text{ đ} \times 0,833\%/tháng \times 6 \text{ tháng}\} + \{1.002.468.997 \text{ đ} \times 0,027\%/ngày \times 19 \text{ ngày}\} = 456.397.302 \text{ đồng}.$

[1.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn

Ngày 02/3/2021 bị đơn công ty TNHH xã hội P Q có đơn phản tố với nội dung: Do công ty cổ phần Q Mùi không thực hiện đúng hoặc thực hiện bỏ dở, vi phạm hợp đồng dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho công ty TNHH xã hội P Q. Bị đơn yêu cầu công ty cổ phần Q Mùi phải chịu trách nhiệm bị phạt và bồi thường thiệt hại gồm: Phạt vi phạm về chất lượng công trình mức 5% hạng mục san lấp mặt bằng nền bằng 7.500.000 đồng; Phạt di tự ý bỏ công trình, không báo trước cho chủ đầu tư bằng 8% giá trị công trình theo biên bản xác nhận công nợ ngày 06/12/2016 là 68.197.500 đồng; Yêu cầu



bồi thường chi phí thuê đơn vị thi công khác khắc phục hậu quả là 3.373.745.000 đồng, cộng bằng 3.449.500.000 đồng. Đối trừ với số tiền công ty nợ công ty cổ phần Q Mùi 1.002.458.000 đồng, còn lại 2.446.984.500 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) yêu cầu Công ty cổ phần Q Mùi phải trả cho Công ty TNHH xã hội P Q.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận đã nhận được Thông báo nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nhưng không nộp vì kinh tế khó khăn. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192, Điều 200, Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại, đối trừ nghĩa vụ của bị đơn là không có căn cứ xem xét trong vụ án này. Bị đơn có quyền khởi kiện để yêu cầu giải quyết tranh chấp trong vụ án khác.

Từ những đánh giá trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH P Q phải trả Công ty cổ phần Q Mùi tổng số tiền 1.458.866.299 (Một tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi chín) đồng trong đó gồm 1.002.468.997 đồng tiền gốc và 456.397.302 đồng tiền lãi là có căn cứ theo quy định tại các Điều 274, 275, 278, 280, 351, 353, 357, 429; khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH xã hội P Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Hội đồng xét xử Pc thẩm không xem xét các nội dung không có kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự Pc thẩm: Kháng cáo của Công ty TNHH xã hội P Q không được chấp nhận nên Công ty TNHH xã hội P Q phải chịu án phí dân sự Pc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp kháng cáo của Công ty TNHH xã hội P Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Về án phí dân sự Pc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Công ty TNHH xã hội P Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự Pc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự Pc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0002470 ngày 11/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Bản án Pc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND TP. B;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Giang**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Quyết Nguyễn Xuân Thọ**

**Phạm Thị Minh Hiền**